

Số: 343/CV-ĐHB.

Bắc Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Mã Chứng khoán: DHB

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại: 0204.3854.538; Fax: 0204.3855.018;

Email: damhabac.vt@gmail.com; Website: www.damhabac.com.vn

Người phụ trách công bố thông tin: Ông Đặng Xuân Thủy – Thư ký Công ty.

Số điện thoại: 0373896666

Nội dung của thông tin công bố:

Ngày 12/03/2020, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc nhận được kết quả kiểm toán của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Theo đó Báo cáo có một số nội dung cần công bố như sau:

1. Điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính năm 2018 theo thông báo số 871/TB-KTNN ngày 01/11/2019 của Kiểm toán Nhà nước về việc Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2018 tại Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. (Có bảng số liệu kèm theo)

2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính năm 2019 gồm 2 nội dung:

- Công ty đã hạch toán trích khấu hao tài sản cố định của dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành tự lập ngày 01/12/2017 chưa phê duyệt hoàn thành từ cấp có thẩm quyền. Do đó kiểm toán độc lập chưa đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về nguyên giá tài sản cố định tạm tăng cùng các khoản công nợ phải thu, phải trả nhà thầu liên quan.

- Tại thời điểm 31/12/2019 Công ty âm vốn chủ sở hữu nên kiểm toán nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

(Kèm theo báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán)

Thông tin này được đăng tải trên trang thông tin www.damhabac.com.vn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin được công bố./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website : www.damhabac.com.vn

Người được ủy quyền công bố thông tin



Đặng Xuân Thủy

KẾT QUẢ ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

(Kèm theo công văn số: 343/CV-ĐHB ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc công bố thông tin bất thường)

Một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại theo Thông báo kết quả kiểm toán số 871/TB-KTNN ngày 01/11/2019 của Kiểm toán Nhà nước về việc Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2018 tại Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc:

I. Báo cáo Tài chính riêng tại ngày 31/12/2018	Mã số	Đã điều chỉnh	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch
		VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Bảng Cân đối kế toán riêng				
Phải thu ngắn hạn khác	136	21.689.160.872	20.932.113.987	757.046.885
Thuế GTGT được khấu trừ	152	26.327.933		26.327.933
Chi phí trả trước dài hạn	261	917.004.080.171	913.200.994.171	3.803.086.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7.711.457.750	7.564.837.540	146.620.210
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(2.660.929.447.172)	(2.665.369.287.780)	4.439.840.608
LNST chưa phân phối năm nay	421b	(328.104.399.061)	(332.544.239.669)	4.439.840.608
b. Báo cáo Kết quả kinh doanh riêng				
Giá vốn hàng bán	11	2.629.245.236.240	2.532.143.213.273	97.102.022.967
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29.034.123.557	28.788.469.373	245.654.184
Thu nhập khác	31	5.420.632.161	4.124.422.770	1.296.209.391
c. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng				
Lợi nhuận trước thuế	01	(328.104.399.061)	(332.544.239.669)	4.439.840.608
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(186.795.689.670)	(186.038.642.785)	(757.046.885)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(35.183.515.818)	(35.246.228.498)	62.712.680
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13.281.106.346	17.026.612.749	(3.745.506.403)

II. Báo cáo Tài chính Hợp nhất tại ngày 31/12/2018	Mã số	Đã điều chỉnh	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch
		VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Bảng Cân đối kế toán hợp nhất				
Phải thu ngắn hạn khác	136	22.165.610.610	21.408.563.725	757.046.885
Thuế GTGT được khấu trừ	152	1.051.781.602	1.025.453.669	26.327.933
Tài sản cố định hữu hình	221	7.014.087.400.968	7.014.058.868.649	28.532.319
+ Nguyên giá	222	10.014.753.889.400	10.014.722.080.309	31.809.091
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223	(3.000.666.488.432)	(3.000.663.211.660)	(3.276.772)
Chi phí trả trước dài hạn	261	931.773.890.086	922.200.222.474	9.573.667.612
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12.926.035.378	11.572.288.981	1.353.746.397
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.539.182.785	1.719.464.785	(180.282.000)
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.290.930.362.085	1.290.986.597.085	(56.235.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(2.642.731.716.458)	(2.650.288.816.736)	7.557.100.278
+ LNST chưa phân phối năm nay	421b	(312.926.205.850)	(320.483.306.128)	7.557.100.278
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	39.598.063.585	37.886.818.511	1.711.245.074
b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Giá vốn hàng bán	11	2.557.735.858.245	2.566.404.416.890	(8.668.558.645)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30.076.174.282	29.830.520.098	245.654.184

II. Báo cáo Tài chính Hợp nhất tại ngày 31/12/2018	Mã số	Đã điều chỉnh	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch
Chi phí bán hàng	25	74.678.185.136	74.858.467.136	(180.282.000)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	95.014.507.447	95.043.039.766	(28.532.319)
Thu nhập khác	31	5.469.176.061	4.116.731.670	1.352.444.391
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.713.169.138	4.506.042.951	1.207.126.187
c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	(298.366.486.932)	(308.841.958.471)	10.475.471.539
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	320.540.399.512	320.537.122.740	3.276.772
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(189.293.663.596)	(188.536.616.711)	(757.046.885)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(33.839.601.139)	(33.665.796.819)	(173.804.320)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.488.703.569)	8.027.384.446	(9.516.088.015)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.002.814.616)	(4.971.005.525)	(31.809.091)

